



Tổng quan kinh tế Việt nam

Bởi:

Đỗ Hồng Dương

Quá trình phát triển

Trong quá trình phát triển, nền kinh tế Việt Nam có thể chia thành hai thời kì chính: trước năm 1986 và sau năm 1986.

Nền kinh tế bao cấp: 1975 – 1986

Tên gọi khác: kinh tế kế hoạch hoá tập trung.

Trước năm 1986, kinh tế Việt Nam là kinh tế bao cấp. Kinh tế bao cấp là nền kinh tế chỉ bao gồm các thành phần kinh tế quốc doanh, tập thể và cá thể, mà giữ vai trò chủ đạo là kinh tế quốc doanh. Trong thời kì này, không tồn tại kinh tế tư nhân, không có các hoạt động thương mại buôn bán tự do trên thị trường. Kinh tế bao cấp hoạt động theo kiểu toàn dân làm cho nhà nước và nhà nước bao cấp cho toàn dân, mọi người làm theo năng lực và hưởng theo nhu cầu.

Nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa: 1986 – nay

Tên gọi khác: nền kinh tế mở cửa

Thời kì sau năm 1986 còn được gọi là thời kì Đổi mới. Năm 1986, do nhận thấy những bất cập của nền kinh tế bao cấp, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã quyết định nước Việt Nam chuyển từ nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế thị trường, mở cửa cho các doanh nghiệp, mở rộng giao lưu kinh tế và hợp tác quốc tế ...

Thành phần kinh tế chính của kinh tế thị trường là kinh tế tư nhân, những quyết định kinh tế được thực hiện bởi các cá nhân người tiêu dùng và công ty. Nền kinh tế được vận động theo quy luật cung-cầu.

Trong những năm đầu của quá trình đổi mới Việt nam đã thu được những thành công về kinh tế đáng kể đó là tỷ lệ tăng trưởng kinh tế cao và kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh. Thương mại chiếm tới 51% của GDP. Nhưng đồng thời từ vài năm nay những nỗi cộm về cơ cấu cũng thể hiện rõ và đã có những biện pháp khắc phục dần như chuyển đổi các

doanh nghiệp nhà nước làm ăn không có hiệu quả, cải tổ lĩnh vực Tài chính và Ngân hàng, xây dựng một cơ chế hành chính có hiệu quả và một nhà nước Pháp quyền.

Đảng và Chính phủ cũng nhận thấy rõ ràng rằng không có sự phát triển hiệu quả của thành phần kinh tế tư nhân thì mục đích tăng trưởng và tạo công ăn việc làm sẽ không thể đạt được. Từ khi Luật doanh nghiệp có hiệu lực đến nay số lượng các doanh nghiệp tư nhân đăng ký đã tăng lên gấp 3 lần (200 000 doanh nghiệp) và tạo ra hàng trăm chỗ làm việc mới.

Tháng 4 năm 2001 Đại hội Đảng lần thứ 9 đã thông qua Chiến lược phát triển Kinh tế xã hội giai đoạn 2001-2010. Trên cơ sở của Chiến lược này mục đích đưa ra đến những năm cuối của giai đoạn 2001-2010 sự tăng trưởng kinh tế phải tăng lên gấp đôi điều đó có nghĩa là đến năm 2005 mức tăng trưởng kinh tế hàng năm phải tăng 7% và từ năm 2006 đến 2010 mức tăng trưởng kinh tế hàng năm phải là 7,5%. Mặc dù nền kinh tế thế giới có sự suy yếu nhẹ, giá nhiên liệu cao, nhiều thiên tai và sự cạnh tranh tăng mạnh trong xuất khẩu nhưng những mục tiêu đặt ra ở trên đã thực hiện được. Năm 2005 Việt nam đã đạt được mức tăng trưởng là 8,4% cao hơn mức tăng trưởng năm trước và đứng vị trí thứ hai trong khu vực sau Trung Quốc. (Tổng sản phẩm quốc nội đạt 40 tỷ USD khoảng bằng GDP của Bang Mecklenburg – Vorpommern). Sự phát triển bền vững được thể hiện qua sự tăng trưởng của kim ngạch xuất khẩu (tăng 22%) cũng như sự tăng trưởng của sản xuất công nghiệp và xây dựng (11%).

Để thực hiện được các mục tiêu tăng trưởng đặt ra, trong những năm vừa qua Đầu tư nước ngoài trực tiếp vào Việt Nam đã bắt đầu tăng lại. Các nhà đầu tư nước ngoài đã tăng cam kết đầu tư năm 2005 thêm 25%, 5,8 tỷ USD. Đặc biệt là các doanh nghiệp Nhật Bản đã đẩy mạnh các hoạt động của họ tại Việt Nam. (Cam kết đầu tư của họ trong năm 2005 là 810 triệu USD). Các nhà đầu tư lớn khác là Đài Loan, Hàn Quốc và Hongkong. Cộng đồng các nhà tài trợ quốc tế đã đưa ra cam kết tài trợ phát triển cho Việt Nam là 3,7 tỷ USD cho công cuộc xóa đói giảm nghèo thực hiện thành công. Cuối cùng, trong năm 2005 lượng kiều hối do người Việt Nam sống ở nước ngoài chuyển về cũng tăng cao và đạt được 4 tỷ USD (tăng 20%), một kỷ lục. Nhưng trên thực tế con số này có thể là 7 tỷ USD nếu như người ta tính cả lượng tiền chuyển về không chính thức. Ngoài ra trong năm 2005 trái phiếu Chính phủ Việt Nam lần đầu tiên đã được bán tại thị trường chứng khoán New York và đã mang lại nguồn kinh phí là 750 triệu USD. Đó là điều kiện thuận lợi cho việc xâm nhập thị trường vốn của các doanh nghiệp Việt Nam trong tương lai.

Giá cả phát triển theo chiều hướng tăng, đạt được mức tăng trung bình là 8,4% và cũng như năm trước giá cả thị trường giữ ở mức độ cao. Tuy nhiên trong năm 2005 giá của một số ít các mặt hàng lương thực phẩm tăng cao, phần nhiều là sự tăng mạnh về giá cả của các ngành năng lượng và giá vàng tăng và sự gia tăng của tín dụng đã củng cố thêm áp lực lạm phát. Đến cuối năm chỉ số giá tiêu dùng đã tăng 10% so với năm trước. Sự tăng trưởng về số lượng tiền tệ một cách tích cực do ảnh hưởng của sự phát triển

mạnh về kinh tế và bước đột phá về hệ thống tiền tệ của nền kinh tế quốc dân. Lãi suất luôn được ổn định và giữ ở mức độ thấp. Cũng như năm trước đồng Việt Nam trong năm 2005 bị mất giá rất ít (-0,9%) . Với đảm bảo sự chênh lệch tỷ giá hàng ngày trong khoảng +/-0,25% Ngân hàng nhà nước đã đạt được mục đích đưa ra.

Các sự kiện quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế Việt Nam

- A. Thành viên của ASEAN từ tháng 7 năm 1995
- B. Tham gia vào AFTA từ 1995
- C. Tham gia vào APEC từ tháng 12 năm 1997, có hiệu lực từ tháng 12 năm 1998
- D. Gia nhập WTO từ tháng 11 năm 2006

Số liệu kinh tế

Theo số liệu của [Tổng cục Thống kê Việt Nam](#), [tổng thu nhập quốc nội](#) (GDP) của Việt Nam năm 2007 đạt khoảng 1.144 nghìn tỷ [đồng](#) (tương đương 71,4 tỷ [USD](#)) và thâm hụt thương mại là 14,12 tỷ đô la Mỹ[8].

[GDP](#) theo đầu người ([2006](#))

- Theo sức mua tương đương: 3.100 USD
- Theo tỷ giá hối đoái: 720 USD

Tỷ lệ tăng trưởng GDP ([2006](#))

8,17% so với 8,4% năm [2005](#), 7,69 % năm [2004](#) và 7,34 % năm [2003](#).

Tỷ lệ tăng trưởng GDP [trung bình](#) hàng năm

([2001-2004](#)) 7,25% so với 6,95% trong giai đoạn [1996-2000](#).

[Tỷ trọng](#) trong GDP ([2006](#))

- [Nông nghiệp](#): 15,97%
- [Lâm nghiệp](#): 1.2 %
- [Công nghiệp](#) và xây dựng: 40.97%
- [Dịch vụ](#): 38,01%

[Tỷ giá hối đoái](#) (trung bình năm 2006)*

- 1USD = 16.025 VNDs

Tổng quan kinh tế Việt nam

Tỷ lệ [lam phát](#) (năm [2006](#); tính theo năm): 6.6%; Mức tăng giá bình quân năm 2006 là 7.5%.

Tài chính công (chính quyền trung ương, tính theo tỷ lệ % của GDP theo giá hiện hành, ước tính cho năm 2003)**

- Thu: 22,66%
- Chi: 24,70%
- Thâm hụt: 2,04%

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (đến 15 tháng 12 năm 2005) 3,9 tỷ USD trong các dự án đăng ký mới, chủ yếu tập trung vào công nghiệp và xây dựng. Ngoài ra, các nhà đầu tư cũng tăng thêm vốn 1,83 tỷ USD vào những dự án đang tồn tại.

Nợ nước ngoài (% GDP, cuối 2005) 35,5%. [Bộ Tài chính](#) dự kiến mức này cho năm 2006 là 34%. Theo [Nhóm Ngân hàng Thế giới](#), nợ nước ngoài của Việt Nam chiếm 31% GDP theo tỷ lệ danh nghĩa và 22% theo tỷ lệ thực.

Cán cân thanh toán theo ngoại tệ chuyển đổi (2005)

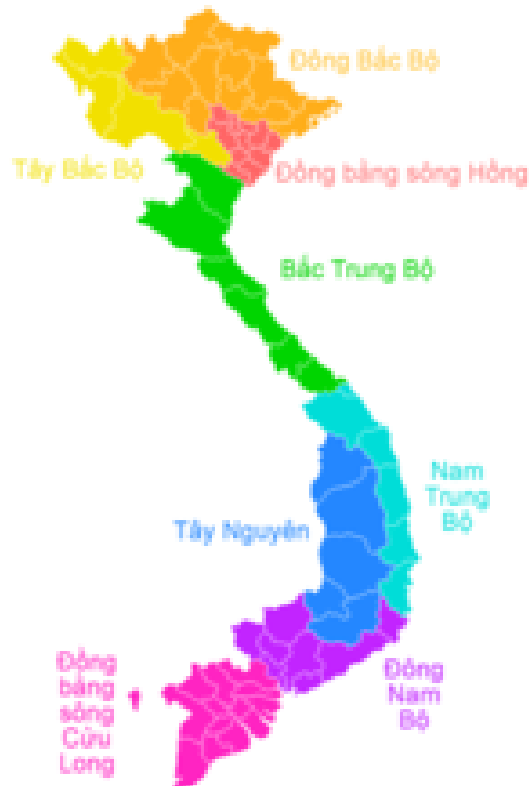
- [Xuất khẩu \(f.o.b\)](#): 32,23 tỉ USD, tăng 21,6% so với 2004
- [Nhập khẩu \(c.i.f\)](#): 36,88 tỉ USD, tăng 15,4% so với 2004
- [Thâm hụt thương mại](#): 4,65 tỉ USD (giảm từ mức thâm hụt 5,45 tỷ USD năm 2004)

Các mặt hàng xuất khẩu chính (2005, % tổng kim ngạch): [Dầu thô](#) (23%), hàng dệt may (15 %), giày dép (9,3%), hải sản (8,5%), điện tử máy tính (4,5%), [gao](#) (4,3%), cao su (2,4%), [cà phê](#) (2,2%).

Các mặt hàng nhập khẩu chính (2005, % tổng kim ngạch): Máy móc, thiết bị (14,2%), xăng dầu (13,5%), [thép](#) (8%), vải (6,5%), nguyên phụ liệu dệt may da (6,3%), điện tử máy tính (4,6%), phân bón (1,8%).

Các [thị trường](#) xuất khẩu chính ([2003](#)): [Hoa Kỳ](#) (20%), [Nhật Bản](#) (14%), [Trung Quốc](#) (9%) [Úc](#) (7%), [Singapore](#) (5%), [Đài Loan](#) (4%), [Đức](#) (4%), [Anh](#) (4%), [Pháp](#) (2%), [Hà Lan](#) (2%), các nước khác (29%).

Các vùng kinh tế: 8 vùng



1. [Đông Bắc Bộ](#)
2. [Tây Bắc Bộ](#)
3. [Đồng bằng Bắc Bộ](#)
4. [Bắc Trung Bộ](#)
5. [Nam Trung Bộ](#)
6. [Tây Nguyên](#)
7. [Đông Nam Bộ](#)
8. [Tây Nam Bộ \(Đồng bằng sông Cửu Long\)](#)

Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ gồm: TP Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh.

Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung là Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định.

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam gồm thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà-Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Tây Ninh, Bình Phước và Long An

CHÚ THÍCH TỪ NGỮ:

ASEAN: *Association of Southeast Asian Nations*(Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á)

AFTA: *ASEAN Free Trade Area*(Khu vực mậu dịch tự do Asean)

APEC: *Asia-Pacific Economic Cooperation* (Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương)

WTO: *World Trade Organization*(Tổ chức thương mại thế giới)

TỪ NGỮ

bao cấp quốc doanh cộng sự yếu kém ngạch cam kết công cuộc	xóa đói giảm nghèo kiểu hối trái phiếu tín dụng lạm phát chỉ số giá tiêu dùng lãi suất	tỷ giá tỷ giá hối đoái thâm hụt tài chính công gốc tính tỷ lệ danh nghĩa/tỷ lệ thực
---	--	---

CÂU HỎI

1. Quá trình phát triển của kinh tế Việt Nam có thể chia thành mấy giai đoạn? Điểm khác nhau cơ bản giữa hai giai đoạn là gì?
2. Tìm các thành phố được coi là trung tâm kinh tế của mỗi vùng kinh tế trọng điểm.

BÀI TẬP

Cho các từ sau:

Cải thiện sức cạnh tranh cam kết

kiểu hối trái phiếu

1. Xuất khẩu lao động chắc chắn sẽ giúp người lao động tăng thu nhập, kinh tế gia đình, nhưng cũng không phải dễ dàng mà đạt được.
2. Thủ tục hành chính hiện đang là một trong những lực cản chính, làm giảm của các doanh nghiệp sau khi gia nhập WTO
3. Thủ tướng Nhật Taro Aso viện trợ 17 tỉ USD trong vòng ba năm tới để kích thích phát triển kinh tế ở châu Á, đặc biệt là Đông Nam Á.
4. là một nguồn lực quý giá theo nhiều nghĩa, là một nguồn mang lại ngoại tệ mạnh cho đất nước mà không một nguồn nào có thể so sánh được về hiệu quả.
5. Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) vừa cho biết, ngày 16/1/2009 tới sẽ phát hành EVN đợt 1 với tổng giá trị phát hành 500 tỷ đồng.

ĐỌC THÊM

Gia nhập ASEAN

Ngày 28-7-1995, Việt Nam chính thức trở thành thành viên của ASEAN (Hiệp hội các nước Đông Nam Á). Trong 10 năm qua, Việt Nam đã góp phần không nhỏ trong việc nâng cao vị thế của ASEAN trên trường quốc tế.

Việt Nam đã trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN bên cạnh Brunei, Malaysia, Indonesia, Philippines, Singapore, Thái Lan và mở đầu cho quá trình thống nhất, quy tụ cả 10 quốc gia trong khu vực Đông Nam châu Á vào tổ chức này. Sau Việt Nam, các nước Lào, Campuchia, Myanmar cũng gia nhập ASEAN. Việc Việt Nam gia nhập ASEAN cũng là kết quả của việc thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa, chủ động tích cực hội nhập khu vực và thế giới mà Đảng và Nhà nước ta đã vạch ra. Trước thời điểm đó, nước ta chỉ mới tham gia vào một khối là khối SEV (Hội đồng tương trợ kinh tế gồm các nước Đông Âu và Nga, nói tiếng Nga).

10 năm qua, Việt Nam đã có những đóng góp to lớn cho quá trình phát triển vào ASEAN như tổ chức thành công hội nghị cấp cao ASEAN 6 năm 1998, đóng góp vào xây dựng “Chương trình hành động Hà Nội” và các biện pháp cụ thể để thực hiện “Tầm nhìn ASEAN 2020”; tham gia xây dựng văn kiện “Hiệp ước Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân”.

Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào ASEAN: 1995: 1,1 tỷ USD ; 1996: 1,136 tỷ USD; 1997: 1,9 tỷ USD; 1998: 2,3 tỷ USD; 1999: 2,4 tỷ USD; 2000: 2,6 tỷ USD; 2001: 2,5 tỷ USD; 2002: 2,42 tỷ USD; 2003: 2,9 tỷ USD; 2004: 3,87 tỷ USD.

Về đầu tư: tháng 6-1995, các nước ASEAN đầu tư vào Việt Nam gần 200 dự án với tổng số vốn pháp định trên 2 tỷ USD, chiếm 15% FDI vào Việt Nam thời điểm đó. Đến năm 2004, ASEAN đã đầu tư trên 600 dự án với tổng số vốn đăng ký trên 10 tỷ USD, chiếm 27% FDI vào Việt Nam, đứng đầu là Singapore với 8 tỷ USD.

Các khu công nghiệp của ASEAN tại Việt Nam: Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (Bình Dương), Khu công nghiệp Việt Nam - Thái Lan AMATA (Đồng Nai), Khu công nghiệp Việt Nam - Malaysia (Khu chế xuất Đà Nẵng), Khu công nghiệp Việt Nam - Malaysia (Nội Bài, Hà Nội).

Gia nhập AFTA

Năm 1992, các nước ASEAN ký Hiệp định thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung (Common Effective Preferential Tariff Scheme - CEPT) quy định việc xây dựng Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA). Vào đầu những năm 90, khi chiến tranh lạnh kết thúc, những thay đổi trong môi trường chính trị, kinh tế quốc tế và khu vực đã đặt kinh tế các nước ASEAN đứng trước những thách thức lớn không dễ vượt qua nếu không có sự liên kết chặt chẽ hơn và những nỗ lực chung của toàn Hiệp hội.

AFTA đưa ra nhằm đạt được những mục tiêu kinh tế sau:

- Tự do hoá thương mại trong khu vực bằng việc loại bỏ các hàng rào thuế quan trong nội bộ khu vực và cuối cùng là các rào cản phi quan thuế. Điều này sẽ khiến cho các Doanh nghiệp sản xuất của ASEAN càng phải có hiệu quả và khả năng cạnh tranh hơn trên thị trường thế giới. Đồng thời, người tiêu dùng sẽ mua được những hàng hoá từ những nhà sản xuất có hiệu quả và chất lượng trong ASEAN, dẫn đến sự tăng lên trong thương mại nội khối.
- Thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào khu vực bằng việc tạo ra một khối thị trường thống nhất, rộng lớn hơn.
- Làm cho ASEAN thích nghi với những điều kiện kinh tế quốc tế đang thay đổi, đặc biệt là với sự phát triển của các thỏa thuận thương mại khu vực (RTA) trên thế giới.

Hiệp định chung về thuế quan bao gồm 3 nội dung chủ yếu, không tách rời dưới đây: Thứ nhất là vấn đề giảm thuế quan. Mục tiêu cuối cùng của AFTA là giảm thuế quan xuống 0-5%, theo từng thời điểm đối với các nước cũ và các nước mới, nhưng thời hạn tối đa là trong vòng 10 năm. Thứ hai là vấn đề loại bỏ hàng rào phi quan thuế (NTB): hạn ngạch, cấp giấy phép, kiểm soát hành chính và hàng rào kỹ thuật: kiểm dịch, vệ sinh dịch tễ. Thứ ba là hài hoà các thủ tục Hải quan.

Khi gia nhập AFTA, hàng hoá của Việt nam sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi thấp hơn cả thuế suất mà các nước ASEAN dành cho các nước thành viên WTO, từ đó có điều kiện thuận lợi hơn để hàng hoá Việt nam có thể thâm nhập thị trường của tất cả các nước thành viên ASEAN. Việt Nam cũng có thể nhập khẩu nhiều mặt hàng từ các nước ASEAN với giá thấp hơn từ các khu vực khác trên thế giới.

Bên cạnh những thuận lợi thu được từ hoạt động thương mại trong nội bộ khối, khi gia nhập AFTA, Việt Nam sẽ có thể hơn trong đàm phán thương mại song phương và đa biên với các cường quốc kinh tế, cũng như các tổ chức thương mại quốc tế lớn như Mỹ, Nhật, EU hay WTO..

Tuy nhiên, gia nhập AFTA cũng khiến lợi ích trực tiếp của nhà nước là nguồn thu ngân sách về thuế xuất nhập khẩu giảm. Việc tham gia dẫn tới sự xoá bỏ các hàng rào thuế quan và phi quan thuế, nghĩa là xoá bỏ sự bảo hộ của chính phủ đối với các doanh nghiệp, buộc các doanh nghiệp phải tham gia thật sự vào cuộc chơi cạnh tranh khốc liệt trên thị trường khu vực: cạnh tranh thúc đẩy sản xuất phát triển, nhưng đồng thời có thể làm điêu đứng và phá sản hàng loạt các doanh nghiệp, thậm chí hàng loạt ngành. Dẫn tới việc thay đổi cơ cấu kinh tế. Đây là vấn đề nan giải đối với các doanh nghiệp Việt nam.

Chính vì thế, gia nhập AFTA là bước tập duyệt đầu tiên cho nền kinh tế và các doanh nghiệp VN để chuẩn bị cho sự gia nhập thị trường thế giới rộng lớn và đầy sự cạnh tranh hơn.

Tham gia vào APEC từ tháng 12 năm 1997, có hiệu lực từ tháng 12 năm 1998

Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương ([tiếng Anh](#): *Asia-Pacific Economic Cooperation*, viết tắt là APEC) là [tổ chức quốc tế](#) của các quốc gia nằm trong khu vực [châu Á – Thái Bình Dương](#) với mục tiêu tăng cường mối quan hệ về kinh tế và chính trị.

Diễn đàn tổ chức các kỳ họp thường niên lần lượt tại mỗi quốc gia thành viên, cũng có những uỷ ban thường trực chuyên trách nhiều lãnh vực khác nhau từ truyền thông đến ngư nghiệp.

Gia nhập WTO từ tháng 11 năm 2006

Tổ chức Thương mại Thế giới ([tiếng Anh](#): *World Trade Organization*, viết tắt WTO; [tiếng Pháp](#): *Organisation mondiale du commerce*; [tiếng Tây Ban Nha](#): *Organización Mundial del Comercio*; [tiếng Đức](#): *Welthandelsorganisation*) là một tổ chức quốc tế đặt trụ sở ở [Genève](#), [Thụy Sĩ](#), có chức năng giám sát các [hiệp định thương mại](#) giữa các nước thành viên với nhau theo các [quy tắc thương mại](#). Hoạt động của WTO nhằm mục đích loại bỏ hay giảm thiểu các [rào cản thương mại](#) để tiến tới [tự do thương mại](#).

Tính đến ngày [25 tháng 1](#) năm [2008](#), WTO có 152 thành viên. Mọi [thành viên của WTO](#) được yêu cầu phải cấp cho những thành viên khác những [ưu đãi](#) nhất định trong thương mại, ví dụ (với một số ngoại lệ) những sự nhượng bộ về thương mại được cấp bởi một thành viên của WTO cho một quốc gia khác thì cũng phải cấp cho mọi thành viên của WTO (WTO, 2004c).

Trong [thập niên 1990](#) WTO là mục tiêu chính của phong trào chống [toàn cầu hóa](#).

WTO có các chức năng sau:

- Quản lý việc thực hiện các hiệp định của WTO
- Diễn đàn [đàm phán về thương mại](#)
- Giải quyết các [tranh chấp về thương mại](#)
- Giám sát các [chính sách thương mại](#) của các quốc gia
- Trợ giúp kỹ thuật và huấn luyện cho [các nước đang phát triển](#)
- Hợp tác với các tổ chức quốc tế khác

Tổng quan kinh tế Việt nam

Các thành viên WTO đã ký kết khoảng 30 hiệp định khác nhau điều chỉnh các vấn đề về thương mại quốc tế, ví dụ Hiệp định chống bán phá giá, Hiệp định về thủ tục cấp phép nhập khẩu, Hiệp định về các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch...